

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Thái Nguyên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua phương án phân bổ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch năm 2022 và dự kiến kế hoạch năm 2023 tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc cho ý kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách Trung ương; quyết định danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2023 thực hiện tiểu dự án 2, Dự án 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương; thông qua Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2024;*

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 4058/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thái Nguyên; số 816/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thái Nguyên; số 1422/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 về việc giao kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm (2021 - 2025) tỉnh Thái Nguyên; số 1539/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thái Nguyên (lần 2); số 2229/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2022 về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên (lần 3); số 2570/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc giao bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021 - 2025; số 3366/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc giao Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2024; số 1273/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc giao điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Thái Nguyên, Phân bổ chi tiết vốn đầu tư công năm 2024; số 1431/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc phê duyệt phương án sử dụng nguồn tài trợ thực hiện đầu tư dự án xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường Trung học phổ thông Lê Hồng Phong;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2763/TTr-SKHĐT ngày 12 tháng 7 năm 2024.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Thái Nguyên:

#### **1. Giao điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025**

##### **1.1.** Nguồn vốn ngân sách địa phương (xây dựng cơ bản tập trung)

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn từ 4.547.972 triệu đồng lên 4.555.072 triệu đồng (tăng 7.100 triệu đồng) từ nguồn tài trợ ngân sách tỉnh năm 2024 để bố trí vốn cho 01 dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 152.090,565 triệu đồng đối với 26 dự án và 01 nhiệm vụ hỗ trợ không còn nhu cầu bố trí vốn.

- Bổ sung kế hoạch vốn 152.090,565 triệu đồng cho 06 dự án và 01 nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030.

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

**1.2.** Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh (cấp tỉnh quản lý)

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 313.181,114 triệu đồng đối với 13 dự án không còn nhu cầu bố trí vốn.

- Bổ sung kế hoạch vốn 313.181,114 triệu đồng đối với 02 dự án và 01 nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030.

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

**1.3.** Nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025

Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 24.656 triệu đồng (*vốn ngân sách Trung ương 21.440 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương 3.216 triệu đồng*) đã giao tại Phụ lục III.1 đến Phụ lục III.4 Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm (2021 - 2025) tỉnh Thái Nguyên để bổ sung kế hoạch vốn cho 05 huyện: Đại Từ, Phú Lương, Đồng Hỷ, Định Hóa, Võ Nhai.

*(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)*

## **2. Giao điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024**

### **2.1.** Nguồn vốn ngân sách địa phương (xây dựng cơ bản tập trung)

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn từ 982.461 triệu đồng lên 989.561 triệu đồng (*tăng 7.100 triệu đồng*) từ nguồn tài trợ ngân sách tỉnh năm 2024 để bố trí vốn cho 01 dự án chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án.

*(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)*

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 64.233,300 triệu đồng đối với 08 dự án chuyển tiếp hoàn thành trong và sau năm 2024; 01 nhiệm vụ hỗ trợ và 01 nhiệm vụ đầu tư.

- Bổ sung kế hoạch vốn 64.233,300 triệu đồng cho 07 dự án và 01 nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án.

*(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)*

**2.2.** Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh (cấp tỉnh quản lý)

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 65.206,395 triệu đồng đối với 05 dự án chuyển tiếp hoàn thành trong và sau năm 2024, 01 nhiệm vụ đầu tư.

- Bổ sung kế hoạch vốn 65.206,395 triệu đồng cho 03 dự án và 01 nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án.

*(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)*

**2.3.** Nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025

Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 1.150 triệu đồng (*vốn ngân sách Trung ương 1.000 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương 150 triệu đồng*) đã giao tại Phụ lục III và Phụ lục VI Quyết định số 3366/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2024 để bổ sung kế hoạch vốn cho huyện Định Hóa.

*(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

**1.** Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các chủ đầu tư và đơn vị được giao kế hoạch vốn căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật hiện hành.

**2.** Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và các địa phương hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị liên quan và chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các quy trình thủ tục theo quy định và đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư, đồng thời quản lý, sử dụng vốn đầu tư đảm bảo mục tiêu, tiến độ, hiệu quả đầu tư theo các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên; các chủ đầu tư và đơn vị được giao kế hoạch vốn có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Tieu*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Thường trực: Huyện ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Chuyên viên TMTH;
- Lưu: VT, KT, TH255.

Cuong



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trịnh Việt Hùng**



Phụ lục I

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỈNH THÁI NGUYÊN**  
**NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG)**

(Kèm theo Quyết định số **1660** /QĐ-UBND ngày **18** tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Lũy kế khối lượng thực hiện từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Lũy kế giải ngân từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương								
<b>A</b>	<b>ĐIỀU CHỈNH TĂNG TỔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025</b>					4.547.972			7.100	4.555.072			
<b>I</b>	<b>Nguồn vốn bổ sung</b>								7.100			Nguồn tài trợ ngân sách (tính năm 2024)	
<b>II</b>	<b>Phân bổ chi tiết nguồn vốn bổ sung</b>					0			7.100	7.100			
<b>a</b>	<b>Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cho dự án</b>					0			7.100	7.100			
<b>*</b>	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</b>												
<b>I</b>	Xây dựng Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Lê Hồng Phong	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 27/6/2024	7.100		7.100	0			7.100	7.100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	
<b>B</b>	<b>ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025</b>		4.747.015	457.208	2.804.284	529.340,621	214.661,916	321.910,114	152.090,565	152.090,565	529.340,621		
<b>B.1</b>	<b>ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN</b>		3.496.119	441.000	1.591.374	470.539	188.742,916	287.189,114	152.090,565		318.448,056		
<b>I</b>	<b>An ninh và trật tự, an toàn xã hội</b>		95.500	78.370	17.130	17.130,000	11.803,000	11.803,000	5.297,000		11.833,000		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Lũy kế khối lượng thực hiện từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Lũy kế giải ngân từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương								
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		95.500	78.370	17.130	17.130,000	11.803,000	11.803,000	5.297,000	11.833,000			
*	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2025												
1	Cơ sở làm việc Công an huyện Định Hóa thuộc Công an tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1101/QĐ-BCA-H01 ngày 07/3/2023; số 1687/QĐ-BCA-H02 ngày 31/3/2023	95.500	78.370	17.130	17.130,000	11.803,000	11.803,000	5.297,000	11.833,000	Công an tỉnh Thái Nguyên	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn	
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		697.630	15.000	638.711	146.362,000	70.262,760	102.814,345	22.385,455	123.976,545			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025												
*	Dự án hoàn thành đã quyết toán												
1	Trường THPT Chuyên Thái Nguyên	Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 09/9/2016; Quyết định phê duyệt Quyết toán số 2856/QĐ-UBND ngày 16/9/2020	237.717	15.000	222.717	13.176,000	0	12.902,000	261,000	12.915,000	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn	
2	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Phú Lương	Quyết định số 3023/QĐ-UBND ngày 29/9/2017; Quyết định phê duyệt Quyết toán số 3246/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	23.374		23.374	4.206,000	0	4.037,000	169,000	4.037,000	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn	



TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Lũy kế khối lượng thực hiện từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Lũy kế giải ngân từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương								
1	Xây dựng Nhà đa năng, nhà lớp học 6 phòng Trường THPT Hoàng Quốc Việt	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	8.090		8.090	10.000,000	283,000	200,000	1.910,000		8.090,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với tổng mức đầu tư
2	Xây dựng Nhà đa năng Trường THPT Trần Phú	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2839/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	4.779		4.779	6.000,000	535,000	1.700,000	1.220,847		4.779,153	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với tổng mức đầu tư
3	Xây dựng Nhà đa năng Trường THPT Khánh Hòa	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2838/QĐ-UBND ngày 11/11/2023; số 394/QĐ-UBND ngày 28/02/2024	4.945		4.945	6.000,000	282,760	1.800,000	1.055,000		4.945,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với tổng mức đầu tư
4	Dự án mở rộng, nâng cấp quy mô Trường Trung học phổ thông Trại Cau, huyện Đồng Hỷ	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 31/8/2023; Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	5.504		5.504	6.000,000	384,000	1.800,000	495,984		5.504,016	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với tổng mức đầu tư
III	Bảo vệ môi trường		160.256		23.976	8.620,000	7.178,000	7.178,000	1.001,000		7.619,000		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025												
*	Dự án đã hoàn thành												
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 28/6/2016; Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 26/4/2021	160.256		23.976	8.620,000	7.178,000	7.178,000	1.001,000		7.619,000	Sở Tài nguyên và Môi trường	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Lũy kế khối lượng thực hiện từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Lũy kế giải ngân từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương								
IV	Các hoạt động kinh tế		2.278.669	309.379	685.744	253.903	83.730,635	127.624,267	119.681,110	134.221,990			
IV.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		946.519	244.512	179.007	37.670,000	25.164,000	25.164,000	12.506,000	25.164,000			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025												
*	Dự án hoàn thành đã quyết toán												
1	Dự án Xử lý cấp bách ô nhiễm Công đoạn từ K2+000-K5+000	Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 03/7/2020; Quyết định phê duyệt quyết toán số 3325/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	24.236	19.939	4.297	4.693,000	4.529,000	4.529,000	164,000	4.529,000	Chi cục Thủy lợi	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn	
2	Dự án Kè đê Chã K5+050-K5+450	Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 03/7/2020; Quyết định phê duyệt quyết toán số 2369/QĐ-UBND ngày 30/9/2023	42.095	34.932	7.163	7.459,000	7.164,000	7.164,000	295,000	7.164,000	Chi cục Thủy lợi	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn	
*	Dự án đã hoàn thành												
1	Củng cố, nâng cấp tuyến đê Chã, huyện Phố Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100)	Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 25/10/2013; Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 9/11/2017; số 3295/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	147.241	89.641	57.600	15.471,000	13.471,000	13.471,000	2.000,000	13.471,000	Chi cục Thủy lợi	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn	

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Lũy kế khối lượng thực hiện từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Lũy kế giải ngân từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương								
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ di dân, tái định cư xóm Yên Thái, xã Tân Thái, huyện Đại Từ	Quyết định số 3493/QĐ-UBND ngày 03/11/2020	9.947		9.947	9.947,000	0,00	0,00	9.947,000	0,00	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên	Dự án đã dừng thực hiện đầu tư	
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025												
1	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thái Nguyên	Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 21/6/2021	723.000	100.000	100.000	100,000	0	0	100,000	0,00	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án đã dừng hoàn thiện thủ tục đầu tư	
IV.2	Giao thông		330.484	64.867	202.842	104.330	8.383,000	52.276,632	51.856,000	52.474,000			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025												
*	Dự án đã hoàn thành												
1	Đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phán, huyện Phú Lương	Quyết định số 2991/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; số 2725/QĐ-UBND ngày 27/08/2019; 200/QĐ-UBND ngày 22/01/2021	90.719	64.867	25.852	10.260,000	8.383,000	8.383,000	1.680,000	8.580,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Lương	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn	
*	Dự án chuyển tiếp												
1	Tiểu dự án bồi thường giải phóng mặt bằng công trình đường trục nội ĐT 261 đến khu vực đèo Gàn, Hồ Núi Cốc huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 16/9/2016; số 2373/QĐ-UBND ngày 18/9/2018	121.939		121.939	92.539,000	0	43.893,632	48.645,000	43.894,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Thái Nguyên	Dự án không tiếp tục thực hiện	

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Lũy kế khối lượng thực hiện từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Lũy kế giải ngân từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách Địa phương								
2	Xây dựng Bến xe khách phía Nam thành phố Thái Nguyên; Bến xe khách thị xã Phổ Yên; Bến xe khách huyện Phú Bình; Bến xe khách huyện Đại Từ theo hình thức đối tác công tư (Hợp đồng BOO)	Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 06/6/2017; Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	117.826	55.051	1.531,000	0	0	1.531,000		0,00	Sở Giao thông Vận tải	Dự án không tiếp tục thực hiện	
IV.3	Cấp nước, thoát nước		950.488	252.717	9.200,000	0	0	5.205,000		3.995,000			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025												
*	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2024												
1	Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 11/11/2016; Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 11/10/2012; Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	950.488	252.717	9.200,000	0	0	5.205,000		3.995,000	Công ty TNHH MTV thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị tỉnh Thái Nguyên	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thi công	
IV.4	Quy hoạch		51.178	51.178	52.703,100	50.183,635	50.183,635	2.114,110		50.588,990			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025												
*	Dự án hoàn thành đã quyết toán												
1	Lập Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 23/9/2020; Quyết định phê duyệt quyết toán số 1249/QĐ-UBND ngày 11/6/2024	51.178	51.178	52.703,100	50.183,635	50.183,635	2.114,110		50.588,990	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Dự án đã quyết toán, không còn nhu cầu bố trí vốn	



TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Lũy kế khối lượng thực hiện từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Lũy kế giải ngân từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương									
1	Trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ Hạt Kiểm lâm Đông Hỷ	Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 11/6/2021; Quyết định số 3129/QĐ-UBND ngày 07/10/2021; Quyết định phê duyệt quyết toán số 2409/QĐ-UBND ngày 04/10/2023	14.154		14.154	12.995,000	12.020,000	12.020,000	975,000		12.020,000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn	
*	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2024</i>													
1	Đầu tư xây dựng nhà làm việc Hạt kiểm lâm Phú Bình	Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 735/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	2.869		2.869	5.000,000	200,000	200,000	2.131,000		2.869,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với tổng mức đầu tư	
<b>B.2</b>	<b>ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN</b>		<b>1.250.896</b>		<b>16.208</b>	<b>1.212.910</b>	<b>58.802</b>	<b>25.919,000</b>	<b>34.721,000</b>	<b>-</b>	<b>152.090,565</b>	<b>210.892,565</b>		
<b>I</b>	<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>		<b>49.810</b>		<b>16.208</b>	<b>33.602</b>	<b>8.802</b>	<b>0</b>	<b>8.802,000</b>	<b>-</b>	<b>234,292</b>	<b>9.036,292</b>		
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>													
*	<i>Dự án hoàn thành đã quyết toán</i>													
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Định Hóa	Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; Quyết định phê duyệt quyết toán số 05/QĐ-UBND ngày 04/01/2024	49.810		16.208	33.602	8.802	0	8.802,000		234,292	9.036,292	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bổ trí vốn để tất toán dự án
<b>II</b>	<b>Các hoạt động kinh tế</b>		<b>776.113</b>		<b>776.113</b>	<b>50.000,000</b>	<b>25.919,000</b>	<b>25.919,000</b>	<b>69.142,273</b>	<b>119.142,273</b>				



TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Lũy kế khối lượng thực hiện từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Lũy kế giải ngân từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương								
1	Xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh và trụ sở làm việc trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 26/4/2024	72.516,00	0	72.516	0	0	0	32.017,000	32.017,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Dự án ưu tiên bố trí vốn để thực hiện trong giai đoạn trung hạn	
IV	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		352.457	0	330.679	0	0	0	30.000,000	30.000,000			
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025												
*	Dự án hoàn thành trong năm 2025												
1	Xây dựng 46 trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/6/2024	352.457		330.679	0	0	0	30.000,000	30.000,000	Công an tỉnh Thái Nguyên	Dự án ưu tiên bố trí vốn để thực hiện trong giai đoạn trung hạn	
V	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật								20.697,000	20.697,000			
	Chuẩn bị đầu tư cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030 và nhiệm vụ khác								20.697,000	20.697,000		Phân bổ chi tiết sau	







TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Lũy kế khối lượng thực hiện từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Lũy kế giải ngân từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn				Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
				Ngân sách Trung ương									Ngân sách địa phương
I	Xây dựng 46 trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/6/2024	352.457		352.457	0	0	0	300.679,000	300.679,000	Công an tỉnh Thái Nguyên	Dự án ưu tiên bố trí vốn để thực hiện trong giai đoạn trung hạn	
III	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật					0			12.127,212	12.127,212			
	Chuẩn bị đầu tư cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030 và nhiệm vụ khác					0			12.127,212	12.127,212		Phân bổ chi tiết sau	

Phụ lục III

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG, NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số **1660** /QĐ-UBND ngày **18** tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 sau khi điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tăng			Giảm			Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
					Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh				
I	Tiểu dự án 1, dự án 5	82.547	74.068	8.479	24.656	21.440	3.216	24.656	21.440	3.216	82.547	74.068	8.479	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	24.656	21.440	3.216				24.656	21.440	3.216	0,00	0,00	0,00	Vốn đã giao từ Phụ lục III.1 đến Phụ lục III.4 Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh
2	Huyện Đại Từ	3.740	3.400	340	1.593	1.385	208				5.333	4.785	548	
3	Huyện Phú Lương	1.894	1.722	172	806	701	105				2.700	2.423	277	
4	Huyện Đồng Hỷ	15.726	14.296	1.430	6.698	5.824	874				22.424	20.120	2.304	
5	Huyện Định Hóa	7.997	7.270	727	3.406	2.962	444				11.403	10.232	1.171	
6	Huyện Võ Nhai	28.534	25.940	2.594	12.153	10.568	1.585				40.687	36.508	4.179	



TT	Danh mục dự án/ chương trình	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến huyện, thành phố)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Lũy kế khối lượng thực hiện từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Lũy kế giải ngân từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2024 đã giao	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch đầu tư công năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung	Lý do điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn						Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
									Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương										
<i>* Dự án hoàn thành trong năm 2024</i>																				
1	Xây dựng hệ thống sạt lở bờ sông Con, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	Thành phố Sông Công	Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên	7950701	283	2022-2024	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	12.026	12.026	12.026	7.547	7.547	4.479	2.441,000		2.038,000	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên		
2	Sửa chữa, khắc phục Kê Sỏi Quyết xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên)	Thành phố Phổ Yên	Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên	7950700	283	2022-2024	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	14.995	14.995	15.000	9.350	9.350	5.645	1.167,000		4.478,000	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên		
III.2	<b>Cấp nước, thoát nước</b>							1.389.031	93.027	345.745	94.747	2.860	2.860	39.200,000	35.205,000		3.995,000			
<i>* Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2026 - 2030</i>																				
<i>* Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2024</i>																				
1	Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên	Thành phố Thái Nguyên	Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên	7041106	311	2016-2024	Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 11/11/2016; Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 11/10/2012; Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	950.488	252.717	3.995	0	0	9.200,000	5.205,000		3.995,000	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thi công	Công ty TNHH MTV thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị tỉnh Thái Nguyên		
<i>* Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024</i>																				
1	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu trung tâm phía Nam thành phố Thái Nguyên	Thành phố Thái Nguyên	Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên	7376841	311	2019-2023	Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 27/5/2015	438.543	93.027	93.028	90.752	2.860	2.860	30.000,000	30.000,000	0	0	Chủ đầu tư đang đàm phán với Nhà thầu Agrea (Bi), báo cáo cấp có thẩm quyền thực hiện điều chỉnh chủ trương, điều chỉnh dự án, dự kiến quý 1/2025 sẽ thực hiện xong công tác phê duyệt điều chỉnh dự án.	Công ty TNHH MTV thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị tỉnh Thái Nguyên	
III.3	<b>Hỗ trợ thực hiện chính sách và bổ sung các quỹ ngoài ngân sách; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn</b>											2.000	0	0	5.000,000	5.000,000	0			
1	Hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo Nghị định số 57/NĐ-CP; Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Thái Nguyên									2.000	0	0	5.000,000	5.000,000	0	0	Điều chỉnh giảm do chưa có doanh nghiệp đáp ứng điều kiện hỗ trợ			
IV	<b>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội</b>							2.869	2.869	2.869	2.869	200	200	2.750,000	81,000		2.669,000			
<i>* Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2026 - 2030</i>																				
<i>* Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2024</i>																				



TT	Danh mục dự án/ chương trình	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến huyện, thành phố)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Lũy kế khối lượng thực hiện từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Lũy kế giải ngân từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2024 đã giao	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch đầu tư công năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung	Lý do điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú	
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng					
									Ngân sách Trung ương											Ngân sách địa phương
1	Cải tạo nâng cấp các hồ đập trên địa bàn tỉnh	08 huyện, thành phố	Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên	7950702	283	2022-2025	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	149.017	149.017	69.142	25.919	25.919	24.081,000	15.000,000	39.081,000	Bổ sung kinh phí để thanh toán khối lượng hoàn thành của dự án trong năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên			
*	Dự án chuẩn bị đầu tư																			
1	Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	Kho bạc nhà nước Thái Nguyên	7977315	283	2022-2025	Quyết định số 1395/TTg-QHQT ngày 13/10/2020; Số 983/QĐ-TTg ngày 16/8/2022	921.178	712.446	208.732	126.275	14.942	14.942	0	3.608,000	3.608,000	Đề thanh toán kinh phí chuẩn bị đầu tư dự án	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên		
IV.2	Giao thông																			
*	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025																			
*	Dự án chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án																			
	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư dự án																			
								627.096	627.096	50.000	0	0	0	21.391,008	21.391,008					
														2.000,000	2.000,000					
1	Tuyến đường kết nối từ đường Bắc Sơn đến khu liên hợp chế tạo tỉnh Thái Nguyên		Kho bạc nhà nước Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên			2024-2027	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 25/01/2024	489.188	489.188	30.000	0	0		1.000,000	1.000,000	Bổ trí vốn để chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và thực hiện công tác giải phóng mặt bằng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Thái Nguyên	Giao kế hoạch thực hiện dự án sau khi dự án có quyết định phê duyệt		
2	Dự án đường nối từ tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc đến đường Triệu Quang Phục, thành phố Phố Yên		Kho bạc nhà nước Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên			2024-2027	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/4/2024	137.908	137.908	20.000	0	0		1.000,000	1.000,000	Bổ trí vốn để chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và thực hiện công tác giải phóng mặt bằng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Thái Nguyên	Giao kế hoạch thực hiện dự án sau khi dự án có quyết định phê duyệt		
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội																			
								72.516	72.516	32.017	0	0	0	1.000,000	1.000,000					
*	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025																			
*	Dự án chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án																			
1	Xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh và trụ sở làm việc trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Nguyên		Kho bạc nhà nước Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên			2024-2026	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 26/4/2024	72.516,00	72.516	32.017	0	0	0	1.000,000	1.000,000	Bổ trí vốn để chuẩn bị đầu tư dự án	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên			



Phụ lục V

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024  
 NGUỒN VỐN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SẮP XẾP LẠI NHÀ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (CẤP TỈNH QUẢN LÝ)  
 Căn cứ theo Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Đơn vị (th): Triệu đồng

TT	Đanh mục dự án/ chương trình	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến huyện, thành phố)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (theo khoản)	Thời gian thực công tác (theo khoản)	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư trong hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Lũy kế khối lượng thực hiện từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Lũy kế giải ngân từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2024 đã giao	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch đầu tư công năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung	Lý do điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú		
							Số ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trung tâm: Vốn						Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng
													Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương						
<b>TỔNG SỐ</b>																				
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN												65.206,395	65.206,395	302.524,000					
I	Các hoạt động kinh tế																			
I.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản																			
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025																			
	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024																			
1	Đào vét và phát triển rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng và nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025	Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên	7918344	282	2021 - 2025	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 21/6/2021 Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 27/6/2024; Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	65.000	50.000	15.000	14.545,000	0	0	5.000,000	4.600,000	400,000	Dự án đang thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư để thực hiện quyết toán dự án theo quy định và phù hợp với thực tế triển khai	Chi cục Kiểm lâm		
2	Dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần số 1: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Núi Cốc và hạ du, tỉnh Thái Nguyên, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước	Thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công và thành phố Phổ Yên	Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên	8035450	283	2023- 2025	Quyết định số 1421/QĐ-BNN-KH ngày 07/4/2023; số 2603/QĐ-BNN-TL ngày 29/6/2023	165.293	145.293	20.000,000	20.000,000	0	0	20.000,000	1.818,000	18.182,000	Chỉ phí giải phóng mặt bằng theo Quyết định số 2603/QĐ-BNN-TL ngày 29/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
I.2	Giao thông																			
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025																			
	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024																			
1	Đường vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên (Đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang)	Huyện Phú Bình	Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên	7908718	292	2022- 2025	Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 3643/QĐ-UBND ngày 19/11/2021; số 2897/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	699.358	345.824	353.534	353.234,573	55.164	55.164	241.000,000	49.683,395	191.316,605	Điều chỉnh kế hoạch vốn cho phù hợp với tiến độ, khối lượng thực hiện và khả năng giải ngân vốn năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Thái Nguyên		
I.3	Công nghệ thông tin																			
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025																			
	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2024																			
1	Dự án phát triển thông tin cơ sở giai đoạn 2021 - 2025	Các xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh	Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên	8003494	171	2022- 2024	Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	20.000	20.000	20.000,000	1.202	3.000	14.000,000	1.500,000	12.500,000	Điều chỉnh giảm do tiết kiệm trong quá trình đấu thầu, lựa chọn nhà thầu theo khối lượng hoàn thành dự án để nghiệm thu, đang hoàn thiện hồ sơ trình quyết toán, không còn nhu cầu vốn	Sở Thông tin và Truyền thông			
I.4	Du lịch																			
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2026 - 2030																			
								123,000	87,521	35,479	23,243	2,324	2,324	20,919,000	6,000,000	14,919,000				

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến huyện, thành phố)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Lũy kế khối lượng thực hiện từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Lũy kế giải ngân từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2024 đã giao	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch đầu tư công năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung	Lý do điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư đơn vị thực hiện	Chú chú	
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng					
									Ngân sách trung ương											Ngân sách địa phương
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2024</i>																			
I	Đường du lịch ven hồ Núi Cốc mới tuyến bờ Bắc - Nam (3km đường + xây mới 2 cầu)	Huyện Đại Từ	Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên	7542456	292	2016-2023	Quyết định số 360/QĐ-HĐND ngày 30/10/2015; số 2973a/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; số 3427/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	123.000	87.521	35.479	23.243	2.324	2.324	20.919,000	6.000,000	14.919,000	Hiện nay dự án đã hoàn thành, đang thực hiện rà soát lập hồ sơ quyết toán; khối lượng hoàn thành dự án giảm so với giá trị tổng mức đầu tư đã phê duyệt.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
II	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật												1.605,000	1.605,000	0					
	Số vốn chuẩn bị đầu tư												1.605,000	1.605,000	0					
<b>B</b>	<b>ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN</b>							<b>562.546</b>	<b>535.474</b>	<b>395.412</b>	<b>3.875</b>	<b>3.500</b>	<b>0,00</b>	<b>65.206,395</b>	<b>65.206,395</b>					
I	Quốc phòng							<b>21.072</b>	<b>4.000</b>	<b>3.874,902</b>	<b>3.874,902</b>	<b>3.500,000</b>	<b>0,00</b>	<b>374,902</b>	<b>374,902</b>					
a	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025</i>																			
*	<i>Dự án đã phê duyệt quyết toán</i>																			
I	Hạng mục còn lại Cơ quan Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên	Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Kho bạc nhà nước Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên	7004686	011	2018-2022	Quyết định số 2570/QĐ-ĐTL ngày 30/11/2018; Quyết định phê duyệt Quyết toán số 3904/QĐ-QK ngày 29/11/2023	21.072	17.072	4.000	3.874,902	3.874,902	3.500	0	374,902	374,902	Bổ sung kế hoạch để tất toán dự án	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên		
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội							352.457	352.457	300.679,000	0	0	0	48.000,000	48.000,000					
a	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>																			
*	<i>Dự án chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án</i>													<b>48.000,000</b>	<b>48.000,000</b>					
I	Xây dựng 46 trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn	0	0	0	0	0	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/6/2024	352.457	352.457	300.679,000	0	0	0	0	0	0	Bổ trí vốn để chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và thực hiện công tác giải phóng mặt bằng	Công an tỉnh Thái Nguyên	Phân bổ chi tiết sau khi có quyết định phê duyệt dự án	
III	Văn hóa							40.000	30.000	10.000	0	0	0	6.000,000	6.000,000					
a	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>																			
*	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024</i>																			
I	Cải tạo, sửa chữa Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, (ATK Đình Hóa), xã Phú Đình, huyện Đình Hòa	Huyện Đình Hòa	Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên	7940064	161,00	2023-2024	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; số 06/NQ-HĐND ngày 23/01/2024; số 1303/QĐ-UBND ngày 16/6/2022; số 496/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	40.000	30.000	10.000	0	0	0	6.000,000	6.000,000	Bổ sung kế hoạch vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành năm 2024	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			
IV	Các hoạt động kinh tế							149.017	149.017	80.857,727	0	0	0	10.831,493	10.831,493					
IV.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							149.017	149.017	80.857,727	0	0	0	10.831,493	10.831,493					

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến huyện, thành phố)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Lũy kế khối lượng thực hiện từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Lũy kế giải ngân từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2024 đã giao	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch đầu tư công năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung	Lý do điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Chí chú	
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng					
									Ngân sách trung ương											Ngân sách địa phương
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025																			
•	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024																			
i	Cải tạo nâng cấp các hồ đập trên địa bàn tỉnh	08 huyện, thành phố	Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên	7950702	283	2022-2025	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	149.017		149.017		80.857,727	0	0	0	10.831,493	10.831,493	Bổ sung kế hoạch vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành năm 2024	Hạn Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên	



Phụ lục VI

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG, NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kam theo Quyết định số 1660 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

ĐVT: Triệu đồng

T	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2024 vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương đã phê duyệt			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024 vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương						Kế hoạch đầu tư công năm 2024 vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương sau khi điều chỉnh			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tăng			Giảm			Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		
					Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh					
	<b>TỔNG SỐ</b>	46.150	41.890	4.260	1.150	1.000	150	1.150	1.000	150	46.150	41.890	4.260		
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.150	1.000	150				1.150	1.000	150	0	0	0	Sở Giáo dục và Đào tạo	Vốn đã giao tại Phụ lục III và Phụ lục VI Quyết định số 3366/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh
-	Tiểu dự án 1, Dự án 5	1.150	1.000	150				1.150	1.000	150					
2	Huyện Định Hóa	45.000	40.890	4.110	1.150	1.000	150				46.150	41.890	4.260	UBND huyện Định Hóa	